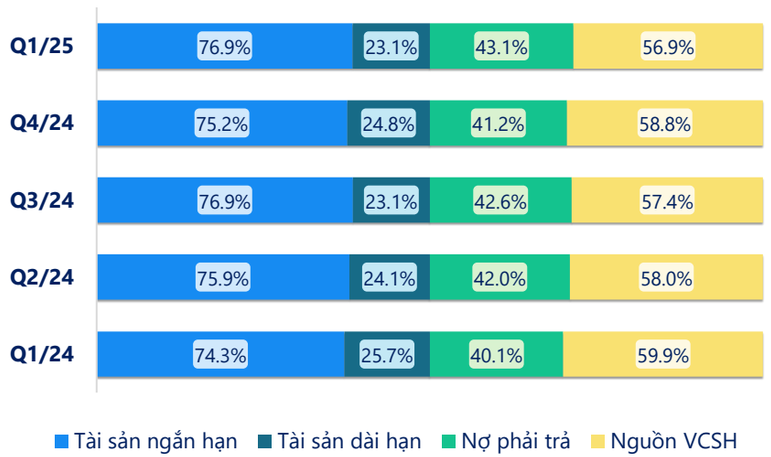
FireAnt

CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HSX: HCD)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
SL cổ phiếu LH	36,958,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,635
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
P/E	11.9
EPS	657

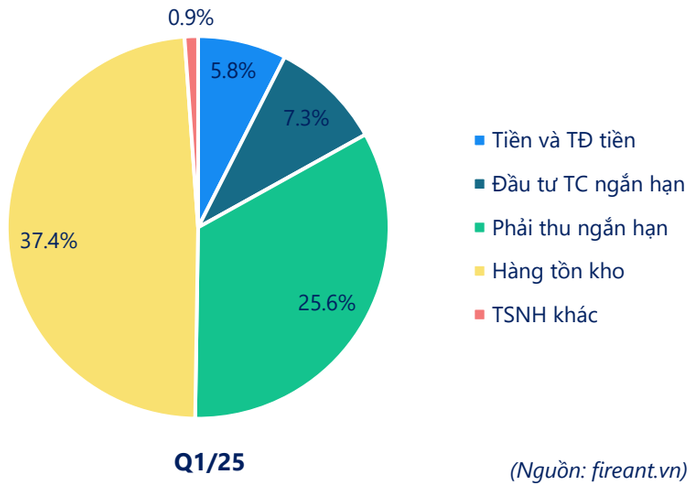
	YTD	1T	3T	6T
HCD	-12.7%	-4.2%	-13.7%	-23.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



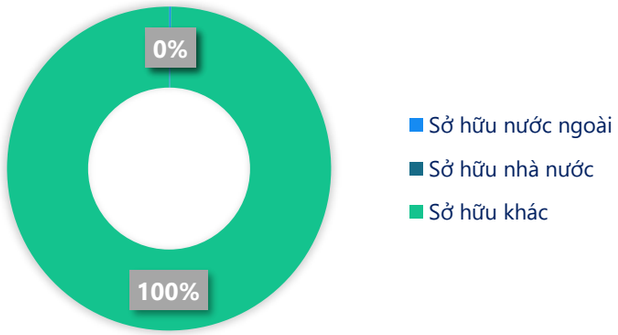
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



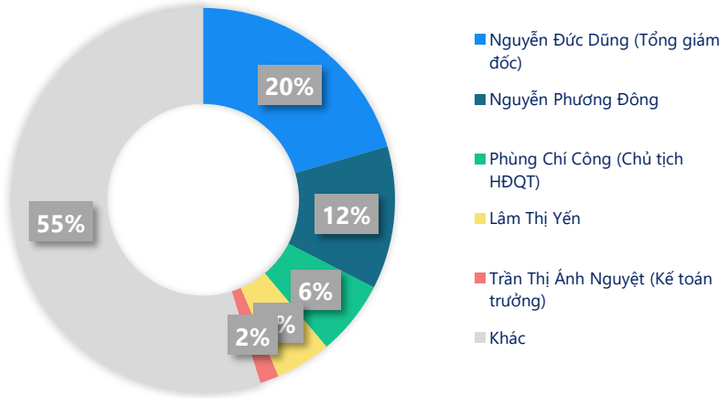
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



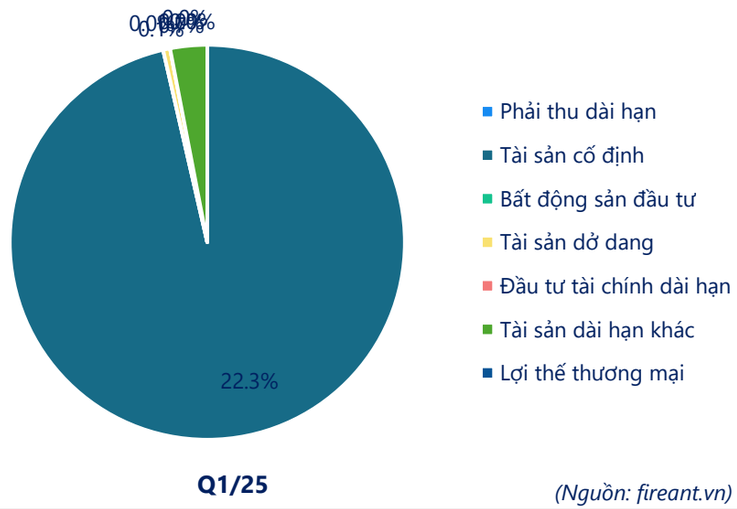
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

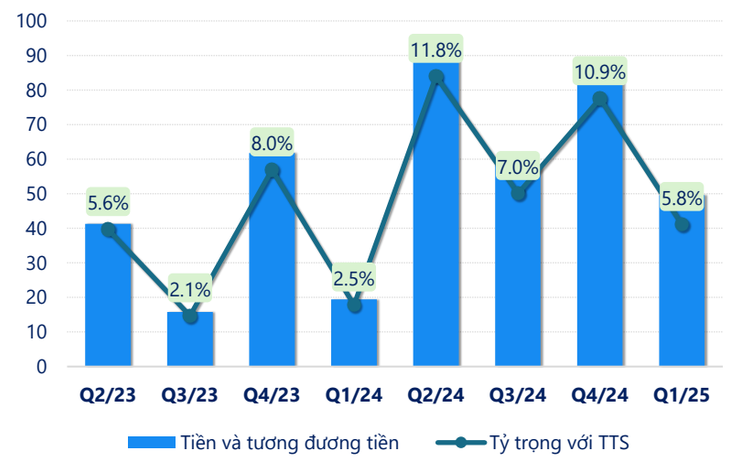


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

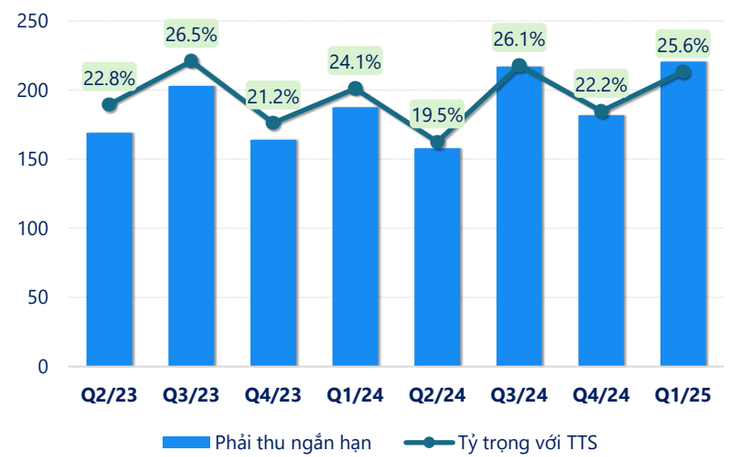
CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HSX: HCD)

Tiền và tương đương tiền



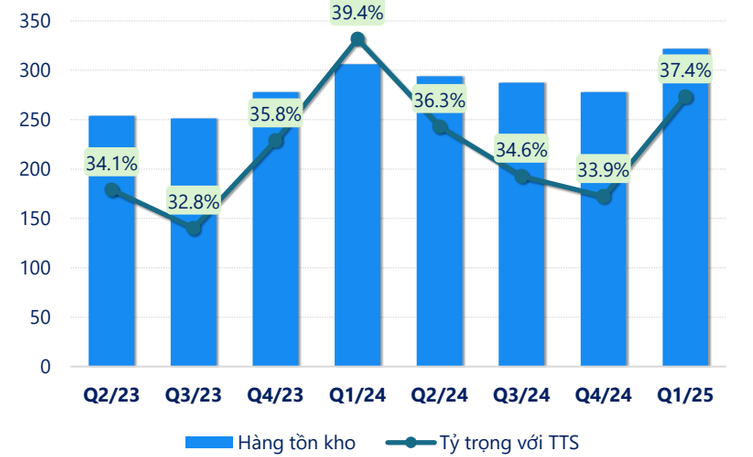
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



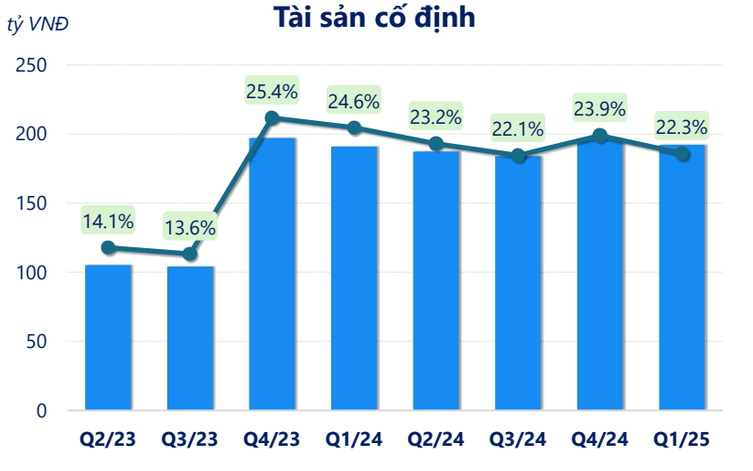
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



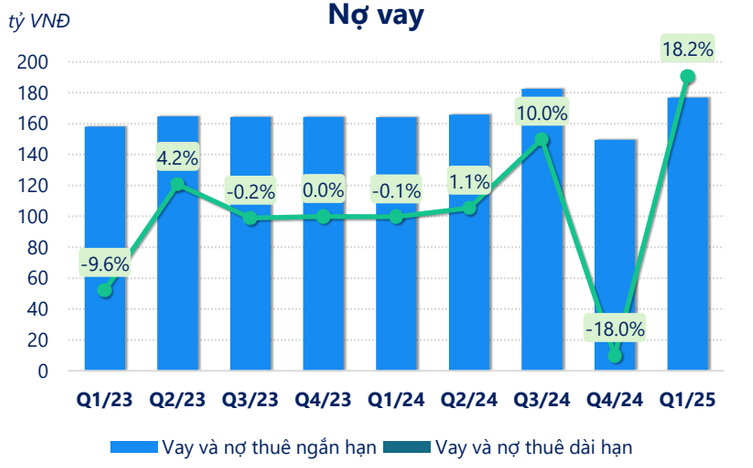
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



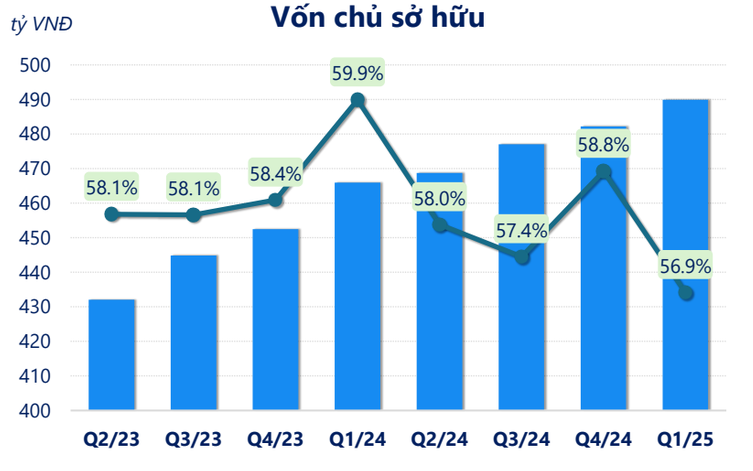
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

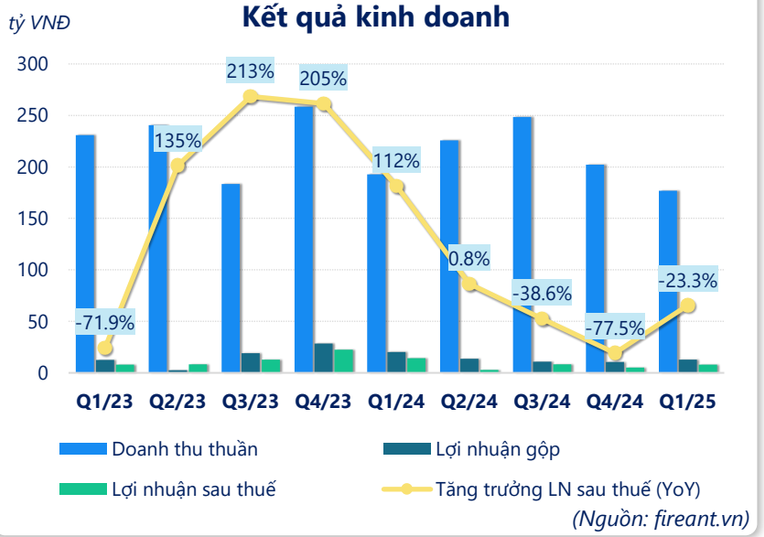


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

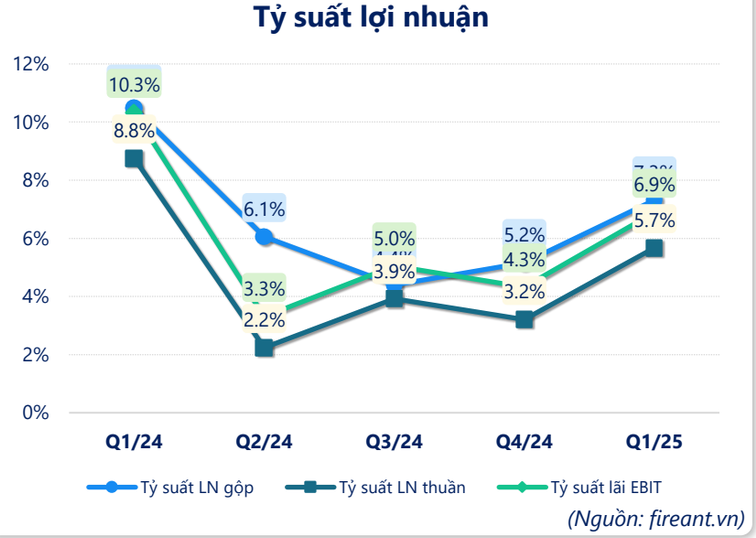
CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HSX: HCD)

Kết quả kinh doanh



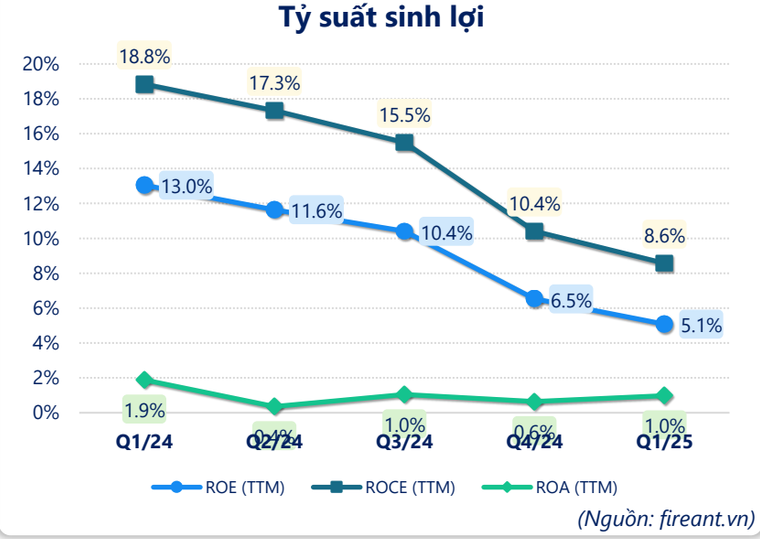
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



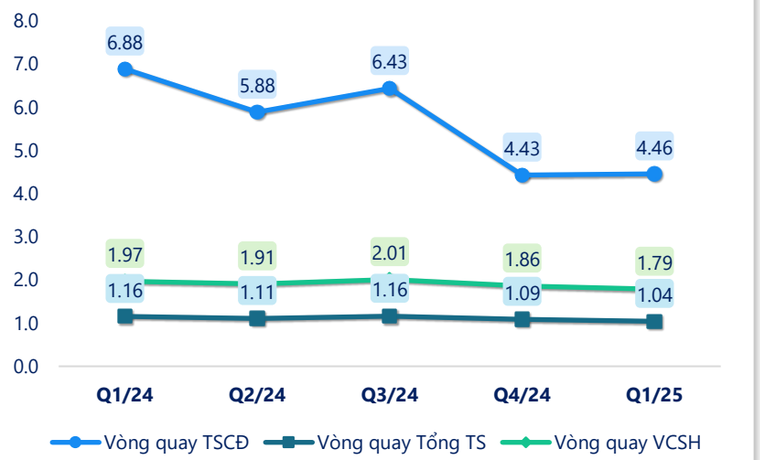
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



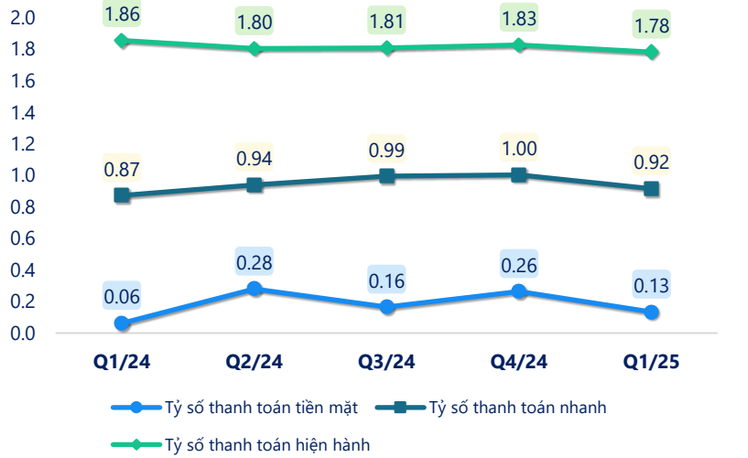
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



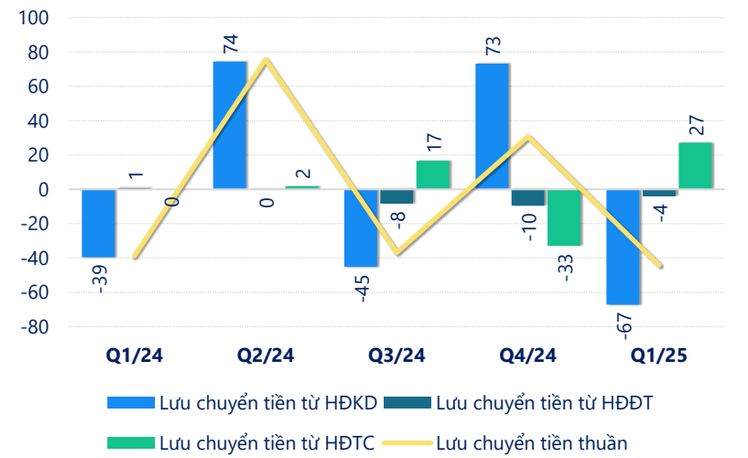
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HSX: HCD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**861**	**812**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	662	609	8.7%
Tiền và tương đương tiền	49.6	93.8	-47.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.5	58.3	7.2%
Phải thu ngắn hạn	221	174	26.6%
Hàng tồn kho	322	278	15.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.52	4.36	72.5%
Tài sản dài hạn	**199**	**203**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	192	196	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.14	1.14	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.03**	**6.28**	**-4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	371	330	12.5%
Nợ ngắn hạn	**371**	**330**	**12.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	150	18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	164	152	7.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**490**	**482**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**490**	**482**	**1.7%**
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	193	226	249	202	177
Giá vốn hàng bán	173	212	238	192	164
Lợi nhuận gộp	20.2	13.7	10.9	10.4	13.0
Doanh thu HĐTC	0.76	0.63	2.07	-0.56	0.10
Chi phí TC	3.02	8.05	2.30	2.27	2.16
Chi phí lãi vay	3.02	2.92	2.30	2.27	2.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.16	0.03	0.11	0.25
Chi phí QLDN	0.93	1.04	0.92	1.02	0.61
LN thuần từ HĐKD	16.9	5.06	9.75	6.48	10.0
Lợi nhuận khác	0	-0.50	0.50	0	0
LN trước thuế	16.9	4.56	10.2	6.48	10.0
Lợi nhuận sau thuế	14.3	2.79	8.30	5.16	8.03
LNST của CĐ cty mẹ	14.3	2.79	8.30	5.16	8.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.5	74.3	-45.1	73.1	-67.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.76	-0.40	-8.35	-9.50	-4.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.10	1.76	16.6	-32.9	27.1
Tiền đầu kỳ	58.2	19.4	95.1	58.2	93.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-38.8**	**75.7**	**-36.9**	**30.8**	**-44.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.4	95.1	58.2	89.0	49.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic